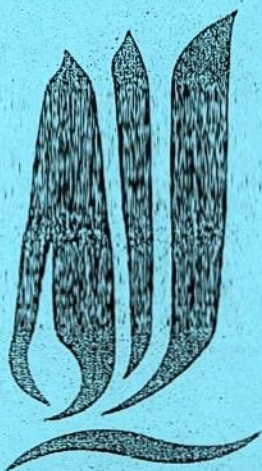


BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI



quang ngai tourist .jsc

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
QUẢNG NGÃI**

(Bản sửa đổi tháng 04 năm 2019)

Quảng Ngãi, tháng 04/2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Định nghĩa	3
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPDD và thời hạn hoạt động của Công ty .	4
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực, phạm vi kinh doanh của Công ty	5
Điều 4. Quyền hạn của Công ty	6
Điều 5. Nghĩa vụ của Công ty	6
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
Mục I. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Mục II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 28. Quyền hạn, nhiệm vụ và thù lao của Hội đồng quản trị	23
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Mục III. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	28
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 32. Cán bộ quản lý	28

meu

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD điều hành	28
Điều 34. Thư ký Công ty	30
Mục IV. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 35. Kiểm soát viên.....	31
Điều 36. Ban kiểm soát	32
Chương VI. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TGD ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	33
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	33
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
Chương VII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
Chương VIII. TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 41. Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị xã hội khác; Công nhân viên và công đoàn	36
Chương IX. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	36
Điều 42. Cổ tức	36
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	37
Chương X. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	39
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 45. Năm tài khóa	39
Điều 46. Hệ thống kế toán	39
Chương XI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	39
Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	39
Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
Chương XII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 49. Kiểm toán	40
Chương XIII. CON DẤU	41
Điều 50. Con dấu	41
Chương XIV. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT.....	41
Điều 51. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết của Công ty	41
Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với Đơn vị hạch toán phụ thuộc	42
Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là Công ty TNHH Một thành viên ..	42
Điều 54. Quan hệ giữa Công ty với các công ty liên kết	44
Chương XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	44
Điều 55. Chấm dứt hoạt động	44
Điều 56. Thanh lý	44
Chương XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
Chương XVII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	45
Chương XVIII. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 59. Ngày hiệu lực	46

meu

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2019.

Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi là cơ sở pháp lý và chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

e) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;

f) Tổ chức lại Công ty là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

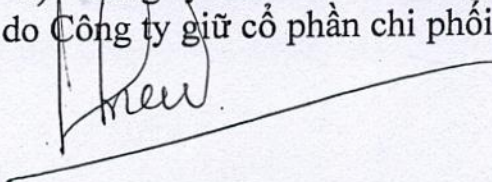
g) "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp theo quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của pháp luật;

h) Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi.

i) "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.

j) "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty (với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với điều lệ hoạt động và các quyết định quan trọng khác của công ty con.

k) "Công ty con" là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình



thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên;

l) "Công ty liên kết" là các công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối (dưới 50%) của Công ty mẹ hoặc công ty không có cổ phần, vốn góp của Công ty mẹ nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết trên cơ sở quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với Công ty mẹ, chịu ràng buộc nhất định về quyền, nghĩa vụ với Công ty mẹ theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty đó với Công ty mẹ, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.

m) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị/chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty.

n) "Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con" là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.

o) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

p) "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

5. Ký hiệu viết tắt:

Tổng công ty: Tổng công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi,

ĐHCD: Đại hội đồng cổ đông,

HDQT: Hội đồng quản trị Công ty,

BKS: Ban kiểm soát Công ty,

TGD: Tổng giám đốc Công ty,

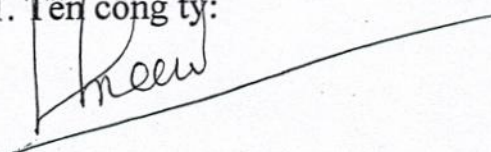
Luật DN: Luật Doanh nghiệp.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty

1. Tên công ty:



- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI
- Tên tiếng Anh: QUANG NGAI TOURIST JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: QUANG NGAI TOURIST
- Tên viết tắt: QUANG NGAI TOURIST
- Biểu tượng (Logo):



2. Tổng công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 472 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Điện thoại: (0255) 3825292; 3825293.

- Fax: (0255) 3817811.

- Website: www.quangngaitourist.com.vn

4. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 55.2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực, phạm vi kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động:

[Handwritten signature]

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển sản xuất, thương mại và dịch vụ du lịch trong các lĩnh vực kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty cho các Cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Theo ngành nghề được cấp phép tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Quảng Ngãi cấp tại từng thời điểm.

- Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với qui định của pháp luật.

3. Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

5. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHCĐ thông qua.

Điều 4. Quyền hạn của Công ty

1. Tự chủ về tài chính, hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

2. Tự chủ tổ chức bộ máy phù hợp với mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh.

3. Tự chủ trong đổi mới công nghệ, thiết bị và mở rộng đầu tư phù hợp với mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh.

4. Được sử dụng vốn của Công ty để đầu tư góp vốn vào các Công ty con, các Công ty liên kết, các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

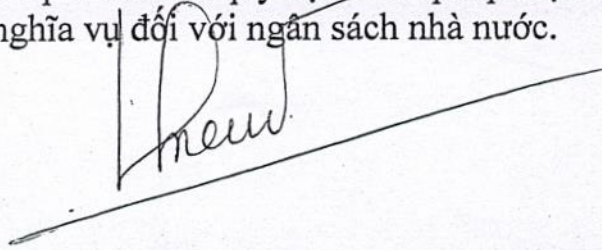
5. Thực hiện các quyền khác mà pháp luật không cấm.

Điều 5. Nghĩa vụ của Công ty

1. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn góp của các cổ đông.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, khả năng phát triển của Công ty và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đề ra.

3. Sử dụng hợp lý lao động, tài sản, tiền vốn đảm bảo hiệu quả kinh tế; chấp hành các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.



4. Công bố công khai và chịu trách nhiệm về tính xác thực của Báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin cần thiết khác về hoạt động của Công ty cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

5. Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

6. Tuân thủ điều lệ các Công ty con, các Công ty liên kết do Công ty đầu tư vốn.

7. Tuân thủ các quy định về môi trường, phòng chống cháy nổ và các nghĩa vụ khác của pháp luật.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 158.139.440.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.813.944 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập" là Cổ đông/nhóm cổ đông tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHCĐ quy định khác. Công ty thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHCĐ chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ

neu

thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại LDN. Chứng nhận cổ phiếu ghi rõ số lượng, mệnh giá một cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của LDN.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi ghi bị hỏng hoặc tẩy xóa hoặc bị đánh, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo

meuu

các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan, như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên nêu rõ: thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trường hợp cổ đông không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác, theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán trả Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng bình quân năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT, kể từ ngày thu hồi đến ngày thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

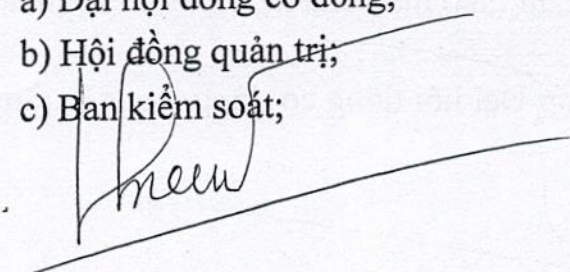
Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;



d) Tổng Giám đốc điều hành.

Mục I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông của Công ty có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHCĐ;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật DN;

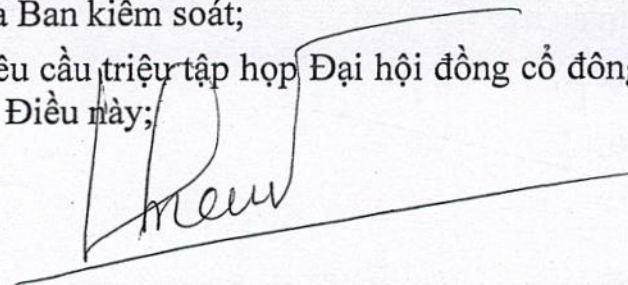
i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử người vào HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 27.2 và Điều 35.5;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;



d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;

2. Tham gia các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHCĐ;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

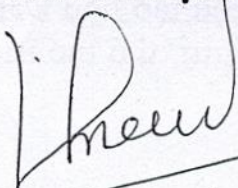
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông



1. ĐHCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp ĐHCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự ĐHCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo 06 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của HĐQT, BKS còn lại ít hơn ba phần tư số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều văn bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 160 Luật DN hoặc HĐQT hành động hay có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

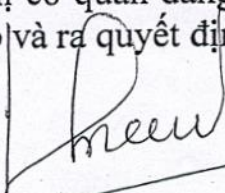
f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHCĐ bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại khoản 3c của điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e của điều này;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 4a của điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định Khoản 5, Điều 136 Luật DN;

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 4b của điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3d của điều này, có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật DN; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHCĐ;



d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

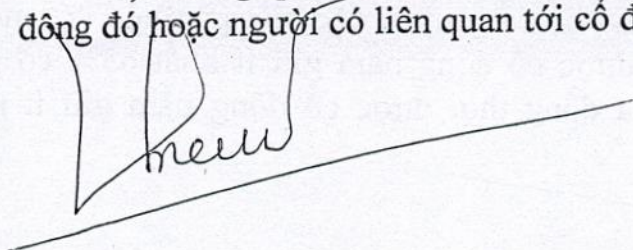
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. ĐHCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Quyết định việc Công ty tham gia vào Tập đoàn Ngọc Hùng và trở thành công ty thành viên trong Tập đoàn Ngọc Hùng, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Quyền lợi và nghĩa vụ giữa Công ty mẹ - Công ty con theo quy định tại điều 189, 190 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của LDN và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại tiết d, khoản 2 điều này, khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;



b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó. Trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHCĐ.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp ĐHCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

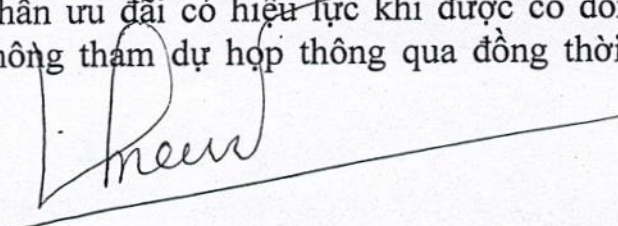
b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75%



quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập ĐHCĐ, hoặc ĐHCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4b và 4c của Điều 14 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập ĐHCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Danh sách các cổ đông có quyền dự ĐHCĐ được lập dự trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHCĐ.

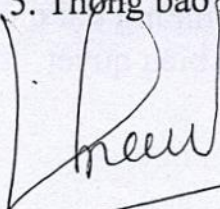
b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang website của Công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:



a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

6. Tài liệu họp quy định tại khoản 5 điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang website của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông bằng phương thức thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông Công ty.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

8. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 7 điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ tối thiểu 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHCĐ bàn bạc và thông qua.

d) Các trường hợp khác.

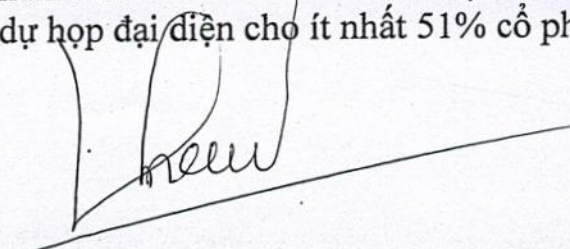
9. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

10. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHCĐ, những quyết định được ĐHCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất. ĐHCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.



3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHCĐ

1. Vào ngày tổ chức ĐHCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHCĐ được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử từ một đến hai người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá năm (05) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;

meu

trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

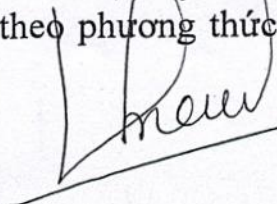
d) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu



quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét, biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật DN. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật DN;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

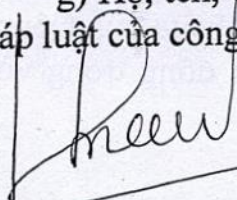
c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông cùng với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

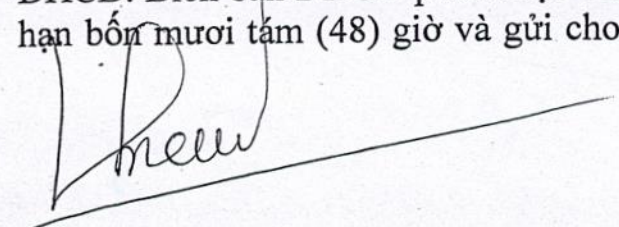
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì ĐHCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHCĐ. Biên bản ĐHCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười



lăm) ngày khi ĐHCĐ kết thúc. Biên bản ĐHCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật DN và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHCĐ; cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của ĐHCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của ĐHCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHCĐ theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

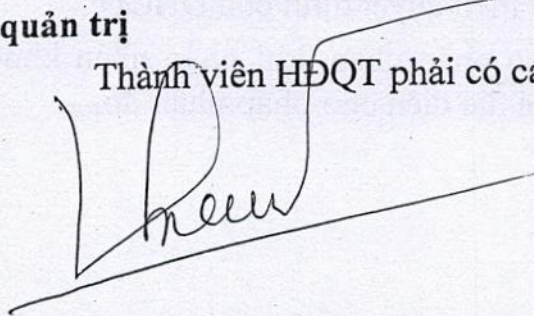
4. Trường hợp quyết định của ĐHCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật DN và Điều lệ này.

Mục II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:



a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật DN.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là ba (3) người và tối đa là bảy (7) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá năm (5) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 05 thành viên và nếu trên 65% được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật DN và Điều lệ này hoặc bị luật pháp và Điều lệ này cấm không được làm thành viên HĐQT;

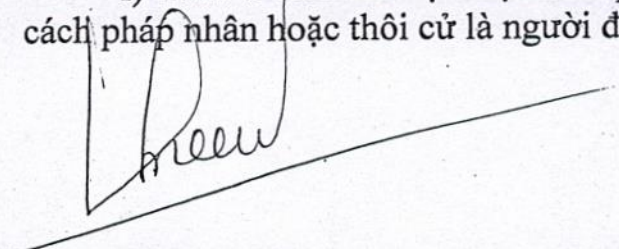
b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ;

f) Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thôi cử là người đại diện cho pháp nhân đó.



HĐQT ra Nghị quyết về việc không còn tư cách thành viên HĐQT và thông báo cho cổ đông theo quy định về công bố thông tin của Công ty.

5. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

Điều 28. Quyền hạn, nhiệm vụ và thù lao của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty; xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua;

b) Đề xuất, kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần của Công ty;

e) Quyết định việc Công ty mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần. Quyết định mức giá mua lại cổ phần của Công ty. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHCĐ quyết định;

f) Quyết định phương án mua sắm tài sản cố định, dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đến dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Phê duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ thông qua.

g) Quyết định định hướng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật DN;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích

khác đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bãi nhiệm (nếu có);

i) Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; tổng biên chế lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm; quyết định phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ Công ty. Quyết định thành lập các công ty con, thành lập chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện trực thuộc Công ty mẹ và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHCĐ thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHCĐ;

n) Kiến nghị, đề xuất mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo nghị quyết của ĐHCĐ;

p) Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

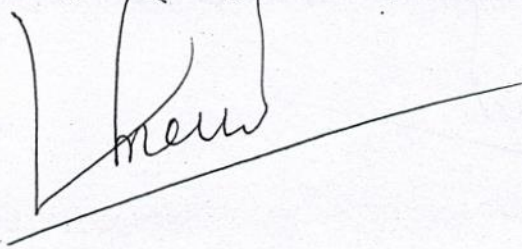
q) Quyết định đình chỉ các quyết định của TGD nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT hoặc gây thiệt hại lợi ích của Công ty;

r) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

5. Thù lao, tiền lương của HĐQT:



a) Thành viên HĐQT được nhận thù lao hoặc tiền lương (nếu có) cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng số tiền thù lao, tiền lương (nếu có) cho các thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty trình ĐHCĐ. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (Chủ tịch HĐQT), hoặc các thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc các thành viên HĐQT thực hiện các công việc khác nằm ngoài nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận theo quyết định của HĐQT.

b) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc của tiểu ban của HĐQT, hoặc ĐHCĐ.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch và từ một đến hai Phó Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức TGD điều hành.

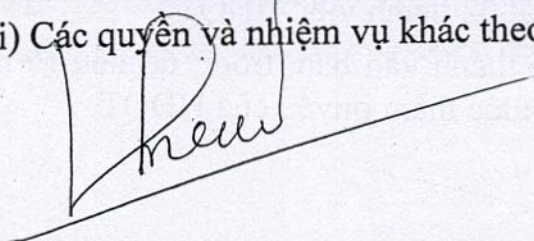
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- e) Chủ tọa họp ĐHCĐ do HĐQT triệu tập;
- f) Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác theo quy chế hoạt động của HĐQT;

g) Tạm thời đình chỉ những quyết định của TGD điều hành khi những quyết định đó vi phạm điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT hoặc xét thấy những quyết định đó gây thiệt hại, tổn thất cho Công ty và sau đó phải thông qua HĐQT để có quyết định chính thức trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ;

h) Kiến nghị HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT, TGD điều hành và người đại diện Công ty sở hữu phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác. Thay mặt HĐQT ký kết Hợp đồng lao động với TGD điều hành, Phó TGD, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định tại Luật DN và Điều lệ này.



3. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong thời gian Chủ tịch HĐQT không có mặt tại Việt Nam và đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì Phó Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bầu một người trong số các thành viên HĐQT tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán;

4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán (nếu có) và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHCĐ;

5. Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền, nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

6. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

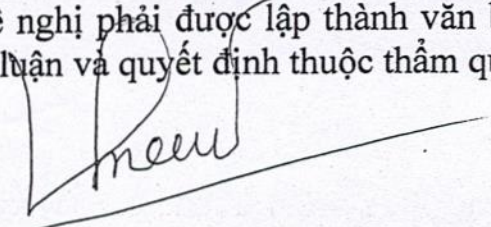
2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS;
- b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.



5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

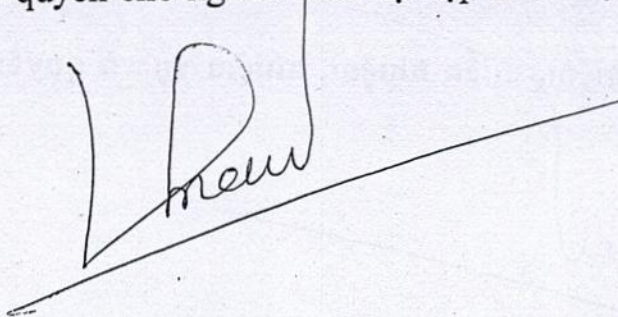
8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

A large, stylized handwritten signature in black ink, appearing to be 'meu', is written over the bottom portion of the text.

11. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau được quy định tại khoản 1, điều 154 Luật DN.

b) Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Mục III

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một TGD điều hành, các Phó TGD, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm. TGD điều hành, các Phó TGD và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên HĐQT. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

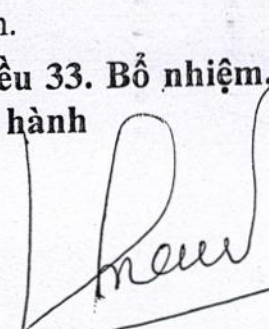
Điều 32. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của TGD điều hành và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD điều hành sẽ do HĐQT quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với những cán bộ quản lý khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD điều hành.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng Giám đốc điều hành



1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD điều hành; quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD điều hành phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của TGD điều hành không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. TGD có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

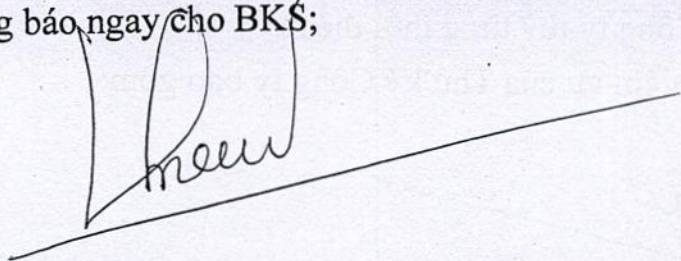
c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Chủ tịch HĐQT (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) ủy quyền cho TGD điều hành ký hợp đồng lao động theo pháp luật hiện hành đối với tất cả lao động và cán bộ quản lý trừ cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Quyết định giá mua, giá bán trong sản xuất kinh doanh của Công ty trừ những sản phẩm, dịch vụ do nhà nước qui định và quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;

f) Quyết định các hợp đồng mua, bán và các hợp đồng khác có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Chủ tịch HĐQT (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) ủy quyền cho TGD điều hành ký các hợp đồng vay, mượn và hợp đồng kinh doanh thương mại (hợp đồng mua, bán) có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

g) Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT và của HĐQT nếu thấy trái luật, trái điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS;



h) Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết;

i) Chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm, TGD điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm cho năm tài chính tiếp theo. Hàng quý phải báo cáo HĐQT tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

k) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;

l) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

m) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

n) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD điều hành và pháp luật.

o) TGD điều hành phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì TGD điều hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. TGD điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

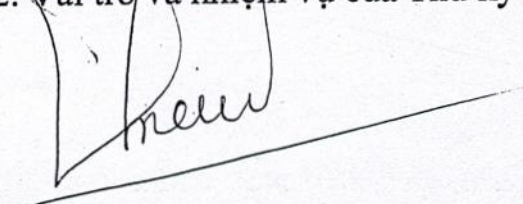
5. HĐQT có quyền bãi nhiệm TGD điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một TGD điều hành mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT.

HQĐT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:



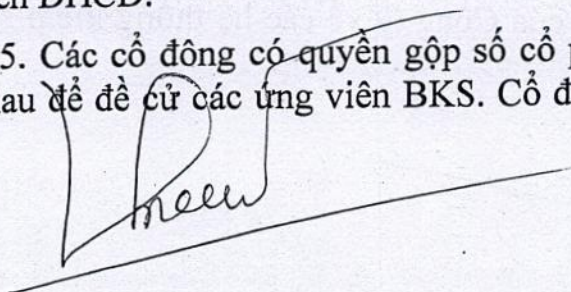
- a) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - c) Tham dự các cuộc họp;
 - d) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên BKS tối thiểu là ba (3) thành viên và tối đa là năm (5) thành viên; các Kiểm soát viên do ĐHCĐ bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty.
3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật DN;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động Công ty.
4. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp BKS;
 - b) Yêu cầu HĐQT, TGD điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHCĐ.
5. Các cổ đông có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ



5% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 thành viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử 02 thành viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật DN;

b) Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của BKS và BKS ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHCĐ.

7. Các kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. BKS có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật DN và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

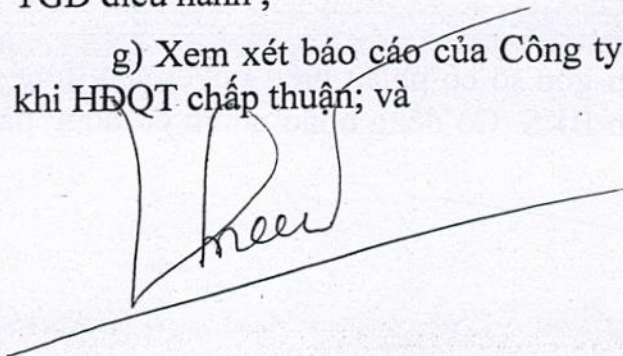
c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d) Thẩm định các báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng;

e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của TGD điều hành ;

g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và



h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của TGD điều hành.

2. Thành viên của HĐQT, TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu bốn lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là ba người.

4. Tiền lương và lợi ích khác của thành viên BKS. Tiền lương và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Kiểm soát viên được trả tiền lương theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHCĐ. ĐHCĐ quyết định tổng mức tiền lương và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS căn cứ vào số lượng và tính chất của công việc và mức tiền lương bình quân hằng tháng của thành viên;

b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHCĐ chấp thuận.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

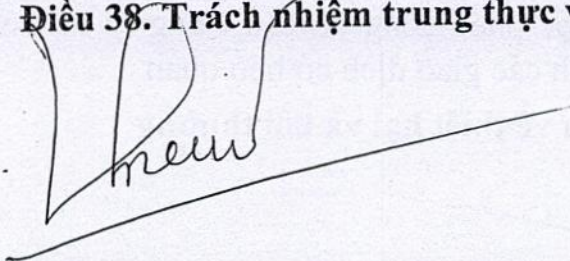
Chương VI

TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi



1. Thành viên HĐQT, TGD điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHCĐ chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

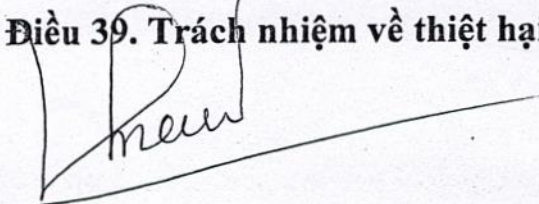
a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý Công ty hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban HĐQT liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan:

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý Công ty hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

5. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường



1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của một Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

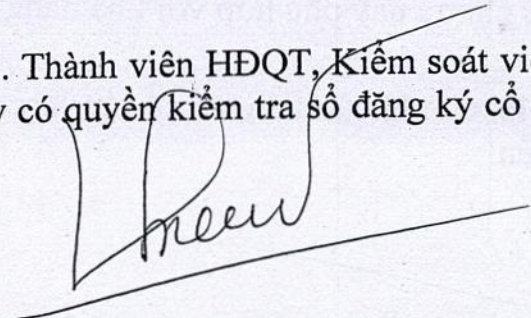
Chương VII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% số cổ phần phổ thông liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông



và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương VIII

TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các Tổ chức chính trị xã hội khác; Công nhân viên và công đoàn

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác:

a) Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam tại Công ty hoạt động theo pháp luật và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam.

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản HCM và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Công ty hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

c) Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

2. Công nhân viên và Công đoàn: TGD điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất; những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương IX

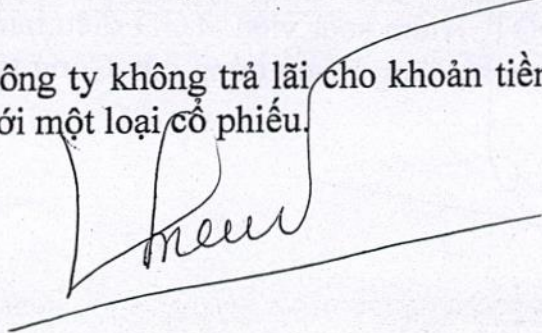
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

1. Theo quyết định của ĐHCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty do HĐQT đề xuất.

2. Theo quy định của Luật DN, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.



4. HĐQT có thể đề nghị ĐHCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu.

Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.

Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

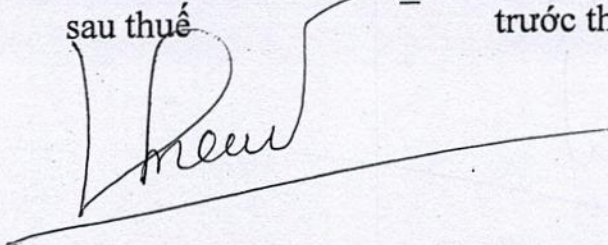
7. Căn cứ Luật DN, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- a) Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập - Tổng chi phí
- b) Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



2. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo trình tự như sau:

a) Bù khoản lỗ các năm trước mà các khoản lỗ đó không được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

b) Trả tiền phạt vi phạm pháp luật nhà nước sau khi đã trừ tiền bồi thường tập thể, cá nhân gây ra (nếu có);

c) Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế;

d) Loại trừ lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện;

e) Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);

f) Phần còn lại sau khi trừ các khoản (a, b, c, d, e) vào cuối niên khóa đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định phân chia:

Mức trích (% LN còn lại sau khi trừ các khoản: a, b, c, d, e)	Đối tượng được trích
5%	Lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.
5% đến 15%	Lập quỹ tích lũy tái đầu tư phát triển
5% đến 15%	Lập quỹ khen thưởng, phúc lợi xã hội
Số còn lại	Chia cổ tức.

3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận sẽ do HĐQT quyết định việc trích lập theo quy chế tài chính của Công ty.

4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHCĐ quyết định cho từng năm.

5. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 6 tháng.

6. Các trường hợp đặc biệt liên quan đến phân phối lợi nhuận do HĐQT đề nghị ĐHCĐ quyết định;

7. Các trường hợp khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo qui định của pháp luật.

Chương X**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN****Điều 44. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).

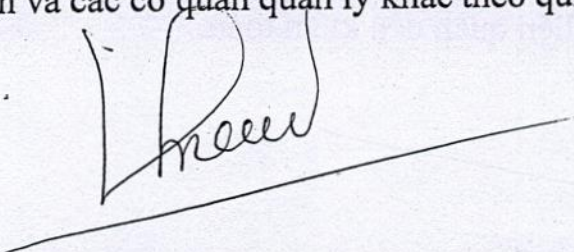
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XI**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG****Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

Báo cáo có thể được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và các cơ quan quản lý khác theo qui định của pháp luật.



2. Báo cáo tài chính năm bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính. Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm còn bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và công ty con độc lập vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Nếu được sự chấp thuận của HĐQT, Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

Nếu ĐHCĐ hoặc HĐQT hoặc BKS yêu cầu kiểm toán Công ty thì việc kiểm toán Công ty sẽ được thực hiện theo nội dung sau đây:

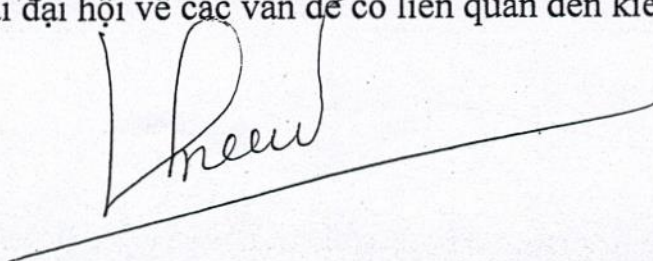
1. Tại ĐHCĐ thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

2. Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.



Chương XIII

CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. HĐQT quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Mã số doanh nghiệp.

2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. HĐQT, TGD Công ty sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

Chương XIV

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 51. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết của Công ty

1. Công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

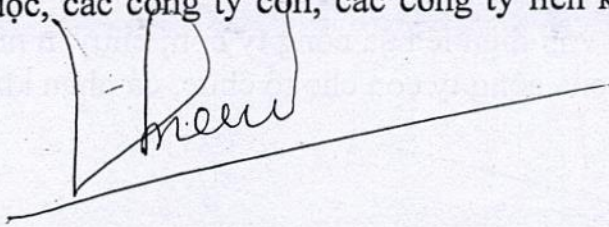
b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;

c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết được nêu ở Phụ lục đính kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.

3. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, chi nhánh và văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết được HĐQT thông qua và quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty có các Đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên kết tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này.



Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Công ty do HĐQT ban hành. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là Công ty TNHH Một thành viên

Các công ty con là công ty TNHH Một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi là Chủ sở hữu công ty con; HĐQT là Đại diện Chủ sở hữu công ty con.

HQĐT cử một hay nhiều người đại diện Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc chỉ định người đại diện phần vốn góp của Công ty phải lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con do HĐQT quyết định, phù hợp với Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con, Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Công ty có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty con như sau:

1. Quyền hạn:

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty con, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty con khi cần thiết;

b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty con;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của công ty con, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty con;

d) Thông qua tổng biên chế lao động, kế hoạch tiền lương hàng năm của công ty con;

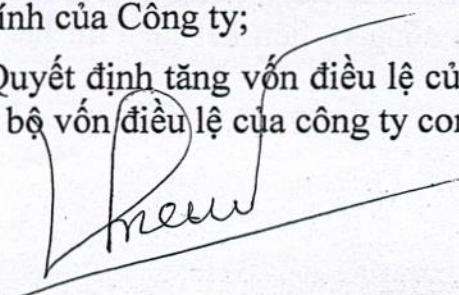
e) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty con;

f) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty con;

g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty con quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty con và phù hợp với Quy chế tài chính của Công ty;

h) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty con và phù hợp với Quy chế tài chính của Công ty;

i) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty con; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty con cho tổ chức, cá nhân khác;



j) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác của công ty con;

k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty con; Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của công ty con;

l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty con.

m) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;

n) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

o) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con sau khi công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

p) Thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ của công ty con: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế quản lý hành chính lưu trữ,...

q) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty con.

2. Nghĩa vụ:

a) Tuân thủ Điều lệ công ty con.

b) Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty con.

c) Xác định và tách biệt tài sản của Công ty và tài sản của công ty con.

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

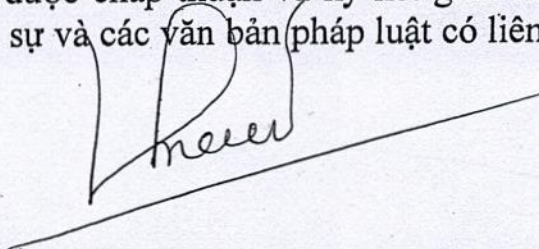
e) Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty con dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty con.

f) Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty con không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

g) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty con.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty đối với các công ty liên kết

Quyền hạn, nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty liên kết được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc theo các thỏa thuận bằng văn bản được chấp thuận và ký kết giữa Công ty và công ty liên kết theo Bộ Luật Dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty liên kết. Quyền



hạn, nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty liên kết được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn góp của Công ty hoặc hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty liên kết đó với Công ty.

Chương XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHCĐ;
- b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do ĐHCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

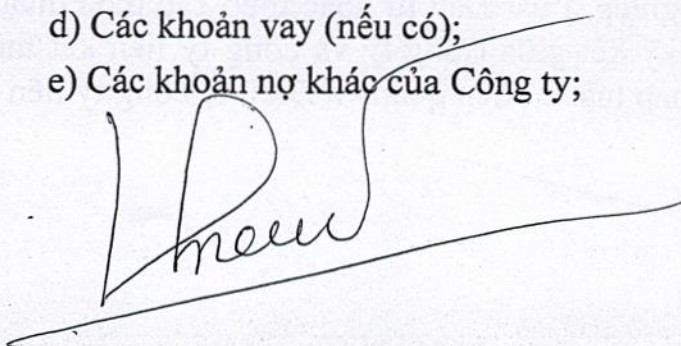
Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do ĐHCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;



f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XVI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do LDN hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD điều hành hay cán bộ quản lý Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm ngày làm việc kể từ ngày khiếu nại.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp hòa giải không thành thì các bên có quyền khiếu nại ra tòa hoặc trọng tài kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các lệ phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

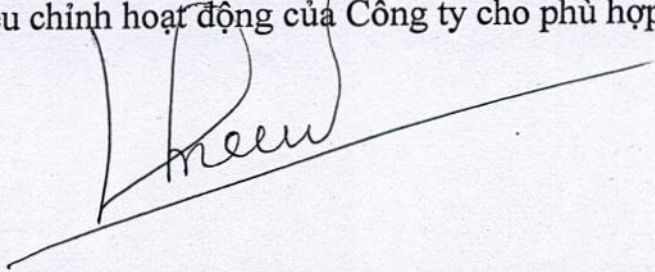
Chương XVII

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHCĐ xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của các văn bản pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty cho phù hợp.



Chương XVIII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 18 chương, 59 điều, được ĐHCĐ thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
 - b) 02 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật.
 - c) 07 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Phai Văn Hùng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực..... Quyển số.....SCT/BS
Ngày 30 tháng 5 năm 2019



Nguyễn Thị Ngọc Dung

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHÁCH SẠN HÙNG VƯƠNG.

- MSDN: 4300821639
- Địa chỉ: Số 45 Hùng Vương, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN MỸ KHÊ.

- MSDN: 4300821614
- Địa chỉ: Thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SA HUYNH BEACH RESORT.

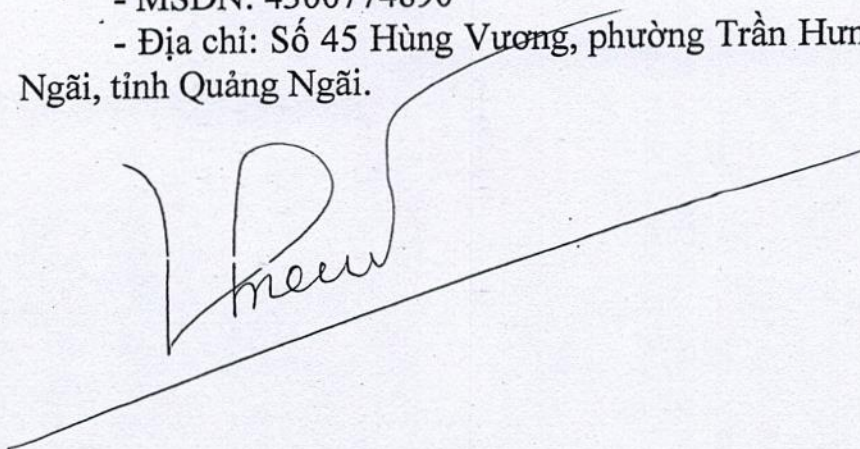
- MSDN: 4300821646
- Địa chỉ: Thôn Tân Lộc, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỊCH VỤ 68.

- MSDN: 4300774393
- Địa chỉ: Số 310 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỮ HÀNH ĐỨC LỘC.

- MSDN: 4300774890
- Địa chỉ: Số 45 Hùng Vương, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.



C. P. * / G.

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUẢNG NGÃI

- 1. CÔNG TY CỔ PHẦN HOA CƯỜNG ĐẤT VIỆT**
- 2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG PHƯƠNG**
- 3. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN AN**

